

Số: 218 /TB-ĐLDK

Hà Nội, ngày 03 tháng 5 năm 2024

**TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY TẠI NGÀY 22/04/2024 ĐỂ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

I. CƠ CẤU SỞ HỮU:

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	1.872.141.477	79,94%	1	1	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	469.730.123	20,06%	59.225	145	59.080
	- Trong nước	383.474.040	16,38%	58.743	87	58.656
	- Nước ngoài	86.256.083	3,68%	482	58	424
TỔNG CỘNG		2.341.871.600	100,00%	59.226	146	59.080
Trong đó: - Trong nước		2.255.615.517	96,32%	58.744	88	58.656
- Nước ngoài		86.256.083	3,68%	482	58	424



2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên	1.872.141.477	79,94%	1	1	0
	- Trong nước	1.872.141.477	79,94%	1	1	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL	258.351.938	11,03%	368	145	223
	- Trong nước	174.120.921	7,43%	306	87	219
	- Nước ngoài	84.231.017	3,60%	62	58	4
TỔNG CỘNG		2.130.493.415	90,97%	369	146	223

Ghi chú:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.

- (*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình.

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu

a/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập: Không có.

b/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung sau đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: Không có

c/ Các trường hợp khác:

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Người nội bộ	20.000	60.505	80.505	0,0034%
II. Cổ phiếu quỹ				
III. Công đoàn Công ty				
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)				
V. Cổ đông khác	1.194.989.016	1.146.802.079	2.341.791.095	99,9966%

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. Trong nước	1.194.989.016	1.060.545.996	2.255.535.012	96,3134%
1.1 Cá nhân	634.500	342.784.255	343.418.755	14,6643%
1.2 Tổ chức	1.194.354.516	717.761.741	1.912.116.257	81,6491%
- Trong đó Nhà nước	1.194.354.516	677.786.961	1.872.141.477	79,9421%
2. Nước ngoài		86.256.083	86.256.083	3,6832%
2.1 Cá nhân		4.796.066	4.796.066	0,2048%
2.2 Tổ chức		81.460.017	81.460.017	3,4784%
TỔNG CỘNG:	1.195.009.016	1.146.862.584	2.341.871.600	100,0000%

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
A. Cổ đông nhà nước							
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100681592	22/03/2016	Số 18, Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội	1.872.141.477	79,94%	
<i>Tên người đại diện sở hữu cổ phần Nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết</i>							
1.1	Hoàng Văn Quang - Chủ tịch HĐQT				584.112.097	24,94%	
1.2	Lê Như Linh - TV HĐQT kiêm TGD				468.374.320	20%	
1.3	Nguyễn Anh Tuấn - TV HĐQT				234.187.160	10%	
1.4	Nguyễn Thị Ngọc Bích - TV HĐQT				234.187.160	10%	



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
1.5	Vũ Thị Tố Nga - TV HĐQT				234.187.160	10%	
1.6	Nguyễn Hoàng Yến - TV HĐQT				117.093.580	5%	
Tổng Cộng A					1.872.141.477	79,94%	
B. Cổ đông lớn							
Tổng Cộng B							
C. Cổ đông chiến lược							
Tổng Cộng C							
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)							
Tổng Cộng D							
Tổng Cộng (A+B+C+D)					1.872.141.477	79,94%	

Ghi chú:

Trường hợp là cổ đông Nhà nước: cần ghi rõ tên người đại diện sở hữu cổ phần nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết (nếu có).

III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

1/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập: Không có

2/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung cho đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: Không có

3/ Trường hợp khác

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
1	Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam			584.112.097	584.112.097	24,9421%

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
2	Lê Như Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam			468.374.320	468.374.320	20%
3	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam			234.187.160	234.187.160	10%
4	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT				
	Sở hữu cá nhân		5.000	36.705	41.705	0,0018%
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam			234.187.160	234.187.160	10%
5	Vũ Thị Tô Nga	Thành viên HĐQT				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam			234.187.160	234.187.160	10%
6	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam			117.093.580	117.093.580	5%
7	Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên Ban Kiểm soát				
	Sở hữu cá nhân		5.000	200	5.200	0,0002%
8	Ngô Văn Chiến	Phó Tổng giám đốc				
	Sở hữu cá nhân		5.000	1.600	6.600	0,0003%



STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
9	Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng giám đốc				
	Sở hữu cá nhân			22.000	22.000	0,0009%
10	Nguyễn Đình Thi	Người được ủy quyền công bố thông tin				
	Sở hữu cá nhân		5.000		5.000	0,0002%
TỔNG CỘNG:			20.000	1.872.201.982	1.872.221.982	79,9455%

Ghi chú: Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (*)

Đối với số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng, PV Power chỉ xác định được số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của cá nhân từng cổ đông nội bộ, còn đối với số cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bị hạn chế chuyển nhượng (1.194.354.516 CP) thì không phân chia được cho từng người đại diện do đó vẫn ghi nhận tại cột Cổ phần chuyển nhượng tự do.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (đề b/c);
- TGD (đề b/c);
- BKS (đề b/c);
- PTGD T.V.Phương (đề b/c);
- Lưu: VT, KTKH (NMT).

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
TRƯỞNG BAN KTKH**



Nguyễn Đình Thi